

Số: 625 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố (kèm Danh mục).

Điều 2.

1. Giao Giám đốc Sở Tư pháp rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ đã phê duyệt; tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ để triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến phù hợp với Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục

hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố để áp dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *lul*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND TP (1C);
- UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn;
- VP UBND TP (2,3EG);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, PM. *lu*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hà



DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP; ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 625 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

STT	Tên quy trình nội bộ
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên quy trình nội bộ
1.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
3.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
4.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
5.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
6.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
7.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
8.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
9.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên quy trình nội bộ
1.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
3.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
4.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
5.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
6.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
7.	Chứng thực di chúc
8.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
9.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
10.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở